



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP

TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/10/2010, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 04/02/2026)

Hà Nội, tháng 06/2026



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP

- Thời gian: Khai mạc dự kiến lúc **09 giờ 00 phút, Thứ Ba, ngày 30 tháng 06 năm 2026**
- Địa điểm: Hội trường tầng 4, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
8h30 - 9h00	Đón tiếp Đại biểu dự họp.
	Đăng ký cổ đông tham dự Đại hội.
9h00 - 9h30	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu
	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
	Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu và Thư ký Đại hội
	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội
	Thông qua Chương trình họp Đại hội
9h30 - 10h45	Nội dung Đại hội: 1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026; 2. Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban Tổng Giám đốc; 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026; 4. Tờ trình về việc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025; 5. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026; 6. Tờ trình về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và dự kiến năm 2026; 7. Tờ trình về việc chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan; 8. Tờ trình về việc huỷ bỏ và thay thế phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; 9. Tờ trình về việc bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty; 10. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty; 11. Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ của Công ty; 12. Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028; 13. Tờ trình về việc giới thiệu nhân sự bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028; Quy chế bầu cử; 14. Tờ trình về việc phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; 15. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
10h45 - 11h00	Đại hội tiến hành thảo luận, trả lời chất vấn cổ đông
11h00 - 11h20	Biểu quyết thông qua các vấn đề trình Đại hội và bỏ phiếu bầu cử
11h20 - 11h30	Nghỉ giải lao
11h30 - 11h40	Công bố kết quả Biểu quyết thông qua các vấn đề trình Đại hội và kết quả bầu cử
11h40 - 11h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
11h55 - 12h00	Bế mạc Đại hội

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (“**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (“**Công ty**”).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty theo danh sách cổ đông do Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group chốt ngày 03/06/2026 hoặc những người được uỷ quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời tham dự họp.
- Thẻ căn cước/căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác/Xuất trình giấy tờ pháp lý cá nhân từ VneID (đối với cá nhân)
- Bản sao/Bản điện tử Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).
- Bản gốc Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội).

*(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
Trường hợp cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện pháp luật và dấu*

của tổ chức hoặc quyết định ủy quyền của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi tên cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử mà cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- b. Được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.
- c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban Thư ký.
- d. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
- f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.
- g. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

- 5.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp.
- 5.2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội nhận giấy tờ của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 03/06/2026; Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

7.1. Chủ tọa chỉ định Thư ký tại Đại hội.

7.2. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

8.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội.
- b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội.
- c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của các cổ đông.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group chốt ngày 03/06/2026.

Điều 10. Trật tự của Đại hội

10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.

10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT, 01 PHIẾU BIỂU QUYẾT và 01 PHIẾU BẦU CỬ trong đó ghi: Tên Cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

11.1. THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**, dùng để biểu quyết các nội dung sau:

- a. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội;
- b. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội;
- c. Thông qua Chương trình họp Đại hội;
- d. Thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu;
- e. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

11.2. PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu xanh**, dùng để biểu quyết các nội dung theo báo cáo, tờ trình.

a. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Là Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát, có đóng dấu treo của Công ty;
- Phiếu biểu quyết không bị rách, tẩy xóa, cạo sửa;
- Có chữ ký xác nhận của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết;
- Chỉ đánh dấu (X) một lần cho một nội dung biểu quyết.

b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Không phải do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- Tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Không có chữ ký xác nhận của cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự;
- Không đánh dấu hoặc có quá một lần đánh dấu (X) đối với một nội dung biểu quyết.

c. Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu.

11.3. PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: được in trên giấy **màu vàng**, dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Thay mặt Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (“**Công ty**”), tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong năm 2025.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÁC LĨNH VỰC CÔNG TÁC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD**”) năm 2025:**

Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua, Hội đồng quản trị đã triển khai giao kế hoạch cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chuyên trách, đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Năm 2025 tiếp tục là một năm khó khăn và thách thức đối với cả nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng, tuy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng cũng ghi nhận sự tăng trưởng tốt so với năm trước, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	100.000.000.000	53.265.561.561	53,27
2	Vốn điều lệ	120.999.920.000	120.999.920.000	100,00
3	Lợi nhuận sau thuế	650.000.000	71.272.650	10,97
4	Cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025)

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng tinh thần Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan quy định. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đã đề ra và chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty thực hiện theo nội dung Nghị quyết đã thống nhất.

1. Nhân sự:

Năm 2025, Công ty không thay đổi về nhân sự thành viên HĐQT. Ngày 31/01/2026, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu thay thế 03 thành viên Hội đồng quản trị.

Số lượng thành viên HĐQT hiện có là 05 thành viên. Tình hình biến động nhân sự như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Dương Văn Tịnh	Thành viên HĐQT điều hành	
3	Bà Nguyễn Thị Minh Loan	Thành viên HĐQT không điều hành	Đã miễn nhiệm ngày 31/01/2026
4	Ông Đào Văn Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	Đã miễn nhiệm ngày 31/01/2026
5	Ông Nguyễn Hải Quân	Thành viên độc lập HĐQT	Đã miễn nhiệm ngày 31/01/2026
6	Ông Nguyễn Thế Quyết	Thành viên HĐQT không điều hành	Đã bỏ nhiệm ngày 31/01/2026
7	Ông Nguyễn Viết Thịnh	Thành viên HĐQT không điều hành	Đã bỏ nhiệm ngày 31/01/2026
8	Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT	Đã bỏ nhiệm ngày 31/01/2026

2. Công tác Quản lý giám sát của Hội đồng quản trị năm 2025:

HĐQT đã tổ chức thành công buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (vào ngày 28/06/2025) và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (vào ngày 08/03/2025) theo đúng quy định. Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành 13 phiên họp định kỳ và bất thường để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo các hoạt động của công ty, cụ thể như sau:

- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara;
- Thông qua nội dung các tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Thành lập Ban Kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara;
- Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Bất động sản Phú Khánh;
- Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty;
- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

- Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty;
 - Thông qua việc thay đổi địa điểm đặt Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara;
 - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025;
 - Thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty;
 - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara;
 - Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư CTP Holding;
 - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.
- ❖ Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó nhưng chưa được thực hiện:
- Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT-BT ngày 31/01/2026 về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 thông qua theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 31/01/2026).

Hội đồng quản trị xin báo cáo hiện trạng các công tác này đến Đại hội, cụ thể:

- Căn cứ diễn biến thị trường và để có thời gian chuẩn bị cho các phương án phát hành/chào bán cổ phiếu của Công ty nên trong thời gian vừa qua, Hội đồng quản trị chưa triển khai ngay việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Do đó, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội thông qua việc huỷ bỏ phương án phát hành cổ phiếu cũ để thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu mới căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

3. Công tác giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý:

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, HĐQT Công ty đã thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các Cán bộ quản lý trong Công ty và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý trong Công ty.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý tăng cường công tác chỉ đạo và thực hiện thường xuyên báo cáo HĐQT về kết quả kinh doanh hàng tháng, hàng quý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Toàn bộ hoạt động kinh doanh được kiểm tra, giám sát bởi Ban kiểm soát Công ty và các bộ phận chuyên môn nhằm hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Nhìn chung năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của Công ty và linh hoạt trong điều hành các hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, việc phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành rất chặt chẽ và hiệu quả trong việc định hướng phát triển cũng như giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty.

4. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã chỉ đạo sửa đổi và bổ sung các Quy chế quản lý cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế Công ty.
- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Công ty.
- Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc điều hành.
- Các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

5. Báo cáo thù lao thu nhập của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty không nhận thù lao trong năm 2025.
- Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí... của Hội đồng quản trị trong năm được thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty.

6. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Không có.

7. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group có 01 thành viên HĐQT độc lập là Ông Nguyễn Hải Quân (đã miễn nhiệm ngày 31/01/2026). Trong năm 2025, các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập được thực hiện theo đúng Quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan, đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược và hoạch định kinh doanh, sản xuất

của Công ty.

- Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT: Trong năm 2025, HĐQT của Công ty đã tiến hành đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành, và ban hành các Biên bản và Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2026

Kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những khó khăn tồn đọng trong năm 2025, HĐQT Công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2026 bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2026.
- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, ý tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.
- Duy trì các cuộc họp Hội đồng quản trị hàng tháng nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.
- Soạn thảo chiến lược phát triển Công ty.
- HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu	53.265.561.561	300.000.000.000
2	Vốn điều lệ	120.999.920.000	345.199.900.000
3	Lợi nhuận sau thuế	71.272.650	20.000.000.000
4	Cổ tức	0%	10%

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group tổng kết kết quả hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động trong năm 2026. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp ý kiến thiết thực giúp Hội đồng quản trị của Công ty hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung báo cáo, Hội đồng quản trị sẽ xây dựng lộ trình và chương trình cụ thể trên tinh thần đổi mới kèm theo biện pháp chỉ đạo quyết liệt, triệt để nhằm đưa Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ, tín nhiệm của toàn thể Quý vị Cổ đông trong thời gian qua.

Xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



Số: 02/2026/BC-BTGD-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

1. Đánh giá chung

Năm 2025 được đánh giá là một năm đầy khó khăn của cả nền kinh tế nói chung và của doanh nghiệp nói riêng khi phải đối mặt với những thách thức lớn như lạm phát, thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới.

Với những định hướng phát triển đúng đắn, sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo cùng sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh những mặt hàng chủ đạo là vật liệu xây dựng. Cùng với đó, Công ty thường xuyên tìm kiếm các cơ hội đầu tư tiềm năng để nâng cao hiệu quả đầu tư, góp phần tăng trưởng nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Tuy nhiên, do những khó khăn và những yếu tố khách quan, Công ty đã không hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

2. Nhân sự, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2025, cơ cấu nhân sự của Ban Tổng Giám đốc như sau:

Nhân sự	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông DƯƠNG VĂN TỊNH	Tổng Giám đốc	29/04/2025	
	Phó Tổng Giám đốc	30/08/2024	29/04/2025
Ông LÊ MINH TUẤN	Tổng Giám đốc	30/06/2023	29/04/2025



Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025 là 64.000.000 đồng. Các chi phí hoạt động, giao dịch, công tác phí... của Ban Tổng Giám đốc trong năm thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (đồng)	Thực hiện năm 2025 (đồng)	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	100.000.000.000	53.265.561.561	53,27%
2	Lợi nhuận sau thuế	650.000.000	71.272.650	10,97%
3	Vốn điều lệ	120.999.920.000	120.999.920.000	100%
4	Cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025)

4. Công tác tài chính kế toán và công tác công bố thông tin

- Công ty chấp hành nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán.
- Công ty thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

5. Chính sách lao động, cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường chấp hành kỷ luật và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, luôn đảm bảo người lao động nhận được mức lương công bằng và xứng đáng với công sức, sự đóng góp của mình. Ngoài ra, Công ty đảm bảo người lao động thực hiện nghiêm ngặt chế độ bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh lao động. Tổ chức đào tạo tại chỗ hoặc gửi đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nâng lương, nâng bậc cho người lao động.
- Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn và tổ chức khám sức khỏe toàn diện, định kỳ cho người lao động Công ty.
- Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc nhất quán. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2026

1. Mục tiêu

Căn cứ trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh đã đạt được năm 2025, Công ty phấn đấu xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2026 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (đồng)	Kế hoạch năm 2026 (đồng)
1	Tổng doanh thu	53.265.561.561	300.000.000.000
2	Vốn điều lệ	120.999.920.000	345.199.900.000
3	Lợi nhuận sau thuế	71.272.650	20.000.000.000
4	Cổ tức	0%	10%

2. Giải pháp thực hiện

Dưới đây là một số giải pháp chung có tính chất định hướng để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2026 của Công ty. Tùy điều kiện và tình hình thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ có những kế hoạch, giải pháp thích hợp:

- Bám sát và thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026 và Nghị quyết HĐQT.
- Tiếp tục tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính của Công ty và tìm kiếm những nhà cung cấp cũng như khách hàng mới trong bối cảnh kinh tế năm 2026 đang có nhiều dấu hiệu tích cực trở lại.
- Thực hiện hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh với những đối tác tiềm năng với mục tiêu đem lại hiệu quả kinh tế tạo tiền đề cho sự phát triển theo hướng mở rộng của Công ty.
- Nâng cao năng lực điều hành của cán bộ quản lý, đào tạo bồi dưỡng quản lý cấp trung.
- Chủ động trong công tác quan hệ cổ đông, trách nhiệm với hoạt động công bố thông tin và mở rộng quan hệ Nhà đầu tư.

Trên đây là báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng đầu tư của Công ty trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.



DƯƠNG VĂN TỊNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/BC-BKS-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/20/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2025,

Thay mặt Ban kiểm soát (“**BKS**”) Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (“**Công ty**”), tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát:

Năm 2025, Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên Ban kiểm soát. Trong năm 2025, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi nhân sự. Các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm tại ngày lập báo cáo như sau:

- | | |
|------------------------|----------------------------|
| + Ông Trần Mạnh Linh | - Trưởng Ban kiểm soát |
| + Bà Hồ Thị Bảo Ngọc | - Thành viên Ban kiểm soát |
| + Bà Nguyễn Thuỳ Trang | - Thành viên Ban kiểm soát |

2. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã hợp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của ban, hợp xây dựng bổ sung kế hoạch hoạt động năm 2025. Định kỳ, Ban kiểm soát tổ chức họp 02 lần trong năm để tổng kết các hoạt động trong kỳ và đề ra kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát của kỳ tiếp theo.

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- + Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”). Thực hiện giám sát, kiểm tra công tác triển khai và thực thi của HĐQT, Ban điều hành (“**BĐH**”) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2025, Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty.



- + Rà soát Điều lệ của Công ty, trên cơ sở đó đưa ra kiến nghị sửa đổi cho phù hợp các quy định pháp luật của Nhà nước hiện hành và nâng cao hiệu quả Công ty.
- + Tham gia ý kiến trong lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- + Giám sát, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của HĐQT, BĐH theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025;
- + Kiểm tra tính trung thực, hợp lý và mức độ thận trọng trong công tác kế toán, lập Báo cáo tài chính của Công ty;
- + Tham gia công tác kiểm kê định kỳ để thẩm định tình hình vốn và nguồn vốn của Công ty cũng như tình hình tăng giảm nhân sự, hiệu suất làm việc của các thành viên HĐQT, BĐH và các phòng ban là đúng theo Điều lệ và đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS trong năm 2025

Thù lao BKS và chế độ liên quan được chi trả theo phê duyệt của ĐHĐCĐ. Chi phí hoạt động của BKS thuộc chi phí hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty không nhận thù lao trong năm 2025.

4. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026:

- Theo dõi thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm 2026;
- Thực hiện giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện nhiệm vụ do ĐHĐCĐ 2026 giao;
- Kiểm tra sự tuân thủ Điều lệ, các quy định, quy chế, quy trình trong quản lý tài chính, đầu tư, sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra thực hiện các quy định về hạch toán kế toán, quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, sử dụng vốn, chi phí và mua hàng tại các xí nghiệp, chi nhánh và văn phòng Công ty;
- Kiểm tra, thực hiện các công việc khác theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Kết quả giám sát đối với công tác quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành và thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2025:

- HĐQT đã thực hiện trách nhiệm quản lý của mình, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết và nội dung nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.
- Các quyết định của Ban điều hành trong năm 2025 được đưa ra kịp thời, chính xác và phù hợp với tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, BDH là những thành viên có năng lực, có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Ban kiểm soát nhận định trong năm 2025, HĐQT và BDH đã có nhiều cố gắng trong việc duy trì kênh bán hàng trong và ngoài nước, đồng thời phát triển chiếm lĩnh thị phần trong nước.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán và thống nhất kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính đã được lập đúng mẫu theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Số liệu trên báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, khách quan và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025. Báo cáo tài chính được chấp nhận toàn phần.

Các nội dung chi tiết về Báo cáo tài chính xin mời quý Cổ đông tham khảo tại Báo cáo của BDH và báo cáo của HĐQT đã được phát trong tài liệu ĐHĐCĐ.

3. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan đều có sự chấp thuận của HĐQT phù hợp với thẩm quyền và/hoặc được công bố thông tin theo quy định.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

- Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban điều hành, cán bộ quản lý Công ty luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, quy định của Công ty và vì lợi ích chung của Công ty.
- HĐQT và BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra.
- Các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT đều có sự tham gia và có ý kiến theo đúng chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- Sau mỗi hoạt động kiểm soát trong năm 2025, BKS đều có báo cáo, kiến nghị gửi HĐQT và Ban điều hành. Những kiến nghị này đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.
- Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến kiến nghị gì từ phía các cổ đông.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh đã đề ra, Ban kiểm soát Công ty đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty thực hiện tốt một số vấn đề sau:

1. Xây dựng môi trường kiểm soát và quản trị rủi ro xuyên suốt để đảm bảo phát triển bền vững và an toàn trong sản xuất qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh; Duy trì và nâng cao hiệu quả cơ chế kiểm soát hiện có cũng như kết nối thông tin giữa các phòng, ban, bộ phận đảm bảo sản xuất an toàn.
2. Nâng cao năng lực quản trị chi phí và ứng phó với các điều kiện khó khăn của môi trường kinh doanh do ảnh hưởng của đại dịch và kinh tế vĩ mô thế giới.
3. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, nguồn nhân lực, sản xuất và bán hàng trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, cơ chế kiểm soát bảo mật an toàn thông tin.
4. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS đúng quy định.

Trên đây là những nội dung báo cáo của Ban kiểm soát kính trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN MẠNH LINH



TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/20/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**"),

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định và đăng tải toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 trên trang thông tin điện tử Công ty, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2025;
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính: Chấp nhận toàn phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CTP GROUP
Số: 05/2026/TTr-BKS-CTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**").

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group như sau:

Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 (xem chi tiết danh mục các đơn vị được chấp thuận đính kèm);
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp, cạnh tranh;
- Đáp ứng tiến độ và quy mô kiểm toán của Công ty.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cụ thể theo tiêu chí như trên.

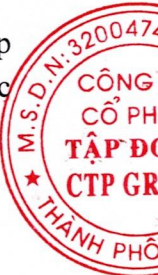
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN MẠNH LINH



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN KIỂM TOÁN CHO
ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2026**

STT	TÊN CÔNG TY
1	Công ty TNHH KPMG (KPMG)
2	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4	Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Moore AISC (Moore AISC)
5	Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC)
6	Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam (GT)
7	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
8	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
9	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG (PKF-TTG)
10	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (RSM)
11	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
12	Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO)
13	Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (Deloitte)
14	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
15	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
16	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)
17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)
18	Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NTV)
19	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC)
20	Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO)
21	Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA)
22	Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO (ASCO)
23	Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA)
24	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (An Việt)
25	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV)
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
27	Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VN)
28	Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC)



Số: 06/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026;
Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và dự kiến năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (“**Công ty**”).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”), Ban kiểm soát (“**BKS**”) năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và dự kiến năm 2026 của Công ty như sau:

1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025:

Năm 2025, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao.

2. Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026 của Công ty, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty năm 2026 như sau:

- Đối với thành viên HĐQT, BKS chuyên trách trả theo quy chế lương Công ty;
- Đối với thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách nhận trả thù lao khi Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- Mức thù lao cụ thể trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua sau khi có kết quả kinh doanh năm 2026.

3. Phương án phân phối lợi nhuận 2025

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	71.272.650
2.	Trích lập các quỹ	0
3.	Lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ năm 2025 (=1-2)	71.272.650



4.	Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối hết	23.088.514.314
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (=3+4)	23.159.786.964
6.	Cổ tức năm 2025	0
7.	Lợi nhuận để lại (=5-6)	23.159.786.964

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 của Công ty: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức và trích các quỹ dựa trên kết quả kinh doanh năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



Số: 07/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**").

Để chủ động trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên năm 2026 thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch trong giai đoạn 2026-2027 như sau:

1. **Thông qua việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan có giá trị từ 10% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng (kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.**
 - Nội dung giao dịch bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a. Các giao dịch mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, góp vốn hợp tác kinh doanh.
 - b. Các giao dịch vay, cho vay, cầm cố và thế chấp tài sản trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên;
 - Các bên liên quan tham gia giao dịch bao gồm:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp 2020.
2. **Thời gian thực hiện:** Từ ngày Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 có hiệu lực cho đến thời điểm ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.
3. **Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty**
 - Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các hợp đồng, giao dịch nêu trên, quyết định các thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến các hợp đồng, giao dịch này, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các hợp đồng, giao dịch đó.



- Ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch và các tài liệu có liên quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các hợp đồng, giao dịch đó (nếu có).
- Thực hiện công bố thông tin các giao dịch theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



Số: 08/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

*(V/v Hủy bỏ và thay thế phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần
từ nguồn vốn chủ sở hữu)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group) và Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT-BT của Hội đồng quản trị ngày 31/01/2026 đính kèm;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**");
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty.

Để phù hợp tình hình thực tế triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") thường niên năm 2026 xem xét và thông qua các nội dung sau:

- Hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-BT ngày 31/01/2026 và Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT-BT ngày 31/01/2026 của HĐQT Công ty;
- Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Phương án này thay thế phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu nêu tại Mục (i) Tờ trình này, với các nội dung cụ thể như sau:



I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group
2. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara
3. Mã chứng khoán : CTP
4. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
5. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 12.099.992 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 2.419.998 cổ phiếu
8. Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá : 24.199.980.000 đồng.
9. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu : 20% (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền, cứ 05 quyền sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới).
10. Nguồn phát hành : Từ Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, chi tiết và thứ tự sử dụng như sau:
 - Từ Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 4.428.632.177 đồng; tiếp theo đó
 - Từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dự kiến tối đa là 19.771.347.823 đồng.
11. Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
12. Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.
13. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn xuống sẽ bị hủy bỏ.
14. Điều kiện về chuyển nhượng : Cổ phiếu phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông không được chuyển nhượng quyền cho bên thứ ba.
15. Thời gian phát hành : Dự kiến trong năm 2026, sau khi có văn bản thông báo nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành của Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).

Việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được thực hiện trước khi triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ (nếu có).

II. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG

ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT thực hiện toàn bộ các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội toàn bộ số cổ phiếu phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

III. ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai Phương án phát hành đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hợp lý.
- Thực hiện các thủ tục xin phép UBCKNN phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN.
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi số lượng cổ phần, mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo kết quả thực tế của đợt phát hành và sẽ báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- Triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu Công ty tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi số lượng cổ phần, vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Trên đây là nội dung của Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



TRẦN CÔNG THÀNH

Số: 09/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**").

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:

1. Bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty hiện tại:
Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.
 - b) Đề xuất bổ sung 01 người đại diện theo pháp luật. Sau khi thay đổi, Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, cụ thể:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện pháp luật thứ nhất của Công ty.
 - Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty.
 - c) Phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật:
Quyền hạn và nghĩa vụ của từng Người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể tại Điều 3 Điều lệ được sửa đổi, bổ sung năm 2026 (*chi tiết theo Dự thảo Điều lệ đính kèm tài liệu họp*), trong đó, phạm vi đại diện của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển và các vấn đề khác không thuộc phạm vi thẩm quyền của Người đại diện theo pháp luật thứ hai như quy định dưới đây.
 - Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.



2. Triển khai thực hiện: Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty tổ chức triển khai và thực hiện các thủ tục có liên quan tại cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành việc bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



TỜ TRÌNH

(V/v sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**"),

Để đảm bảo với mục tiêu phát triển, định hướng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới và tăng tỷ lệ sở hữu tối đa cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung, rút bỏ và sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh), nội dung trình như sau:

I. BỔ SUNG NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH SAU:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
2.	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
3.	Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ nhà nước cấm)	2011
4.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (Trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3512
5.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
6.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4299

8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
9.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng	4642
10.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm) (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4690
11.	Xuất bản phần mềm khác	5829
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	6619
13.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản (Trừ đấu giá, trừ sàn giao dịch bất động sản, trừ tư vấn pháp luật bất động sản; Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản	6821
14.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng (Trừ đấu giá, trừ sàn giao dịch bất động sản, trừ tư vấn pháp luật bất động sản; Trừ các dịch vụ hành chính tư pháp, bao gồm dịch vụ giám định tư pháp, dịch vụ thừa phát lại, dịch vụ đấu giá tài sản, dịch vụ công chứng, dịch vụ của quản tài viên) Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 67 Luật kinh doanh bất động sản năm 2023)	6829
15.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình (Trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và	7110

	phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản; Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	8299

II. RÚT BỎ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH SAU:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ	1610
2.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm bằng nhựa; sản xuất khẩu trang y tế, khẩu trang các loại; sản xuất các sản phẩm bằng gỗ	3290
3.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (không hoạt động tại trụ sở).	4634
4.	Chăn nuôi gia cầm	0146
5.	Chăn nuôi khác	0149
6.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
7.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
8.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
9.	Cho thuê xe có động cơ	7710
10.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
11.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
12.	Khai thác gỗ	0220
13.	Khai thác thủy sản biển	0311
14.	Khai thác thủy sản nội địa	0312

15.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở).	5610
16.	Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở).	0321
17.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).	0322
18.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở).	2012
19.	Trồng cây lấy sợi	0116
20.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
21.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
22.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
24.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
25.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở).	1010
26.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
27.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
28.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở).	1101
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
30.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
31.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí (không hoạt động tại trụ sở).	3012
34.	Đúc kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở).	2432
35.	Đúc sắt, thép (không hoạt động tại trụ sở).	2431
36.	Hoàn thiện sản phẩm dệt (không hoạt động tại trụ sở).	1313
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
38.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở).	0730
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).	5210
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ	7212

	thuật và công nghệ	
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
43.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
44.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1623
45.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở).	1701
46.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2511
47.	Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở).	1071
48.	Sản xuất các loại dây bện và lưới (không hoạt động tại trụ sở).	1394
49.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	1399
50.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	1709
51.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không hoạt động tại trụ sở).	2816
52.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không hoạt động tại trụ sở).	2593
53.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở).	1040
54.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học (không hoạt động tại trụ sở).	2731
55.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác (không hoạt động tại trụ sở).	2732
56.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở).	3240
57.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (không hoạt động tại trụ sở).	2811
58.	Sản xuất đồng hồ (không hoạt động tại trụ sở).	2652
59.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén (không hoạt động tại trụ sở).	2818
60.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (không hoạt động tại trụ sở).	3230
61.	Sản xuất đường (không hoạt động tại trụ sở).	1072
62.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa (không hoạt động tại trụ sở).	1702
63.	Sản xuất giày, dép (không hoạt động tại trụ sở).	1520

64.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
65.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) (không hoạt động tại trụ sở).	1392
66.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung (không hoạt động tại trụ sở).	2815
67.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (không hoạt động tại trụ sở).	2813
68.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (không hoạt động tại trụ sở).	2825
69.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da (không hoạt động tại trụ sở).	2826
70.	Sản xuất máy chuyên dụng khác (không hoạt động tại trụ sở).	2829
71.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2822
72.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2824
73.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).	2821
74.	Sản xuất máy thông dụng khác (không hoạt động tại trụ sở).	2819
75.	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá).	4662
76.	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá).	4663
77.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (không hoạt động tại trụ sở).	1074
78.	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá).	4782
79.	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá).	4783
80.	Sản xuất mô tô, xe máy (không hoạt động tại trụ sở).	3091
81.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).	1075
82.	Sản xuất nhạc cụ (không hoạt động tại trụ sở).	3220
83.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở).	2513
84.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (không hoạt động tại trụ sở).	2910
85.	Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ.	0230
86.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

	(không hoạt động tại trụ sở).	
87.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp (Chi tiết: Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm - Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm).	0130
88.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	3099
89.	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá).	4781
90.	Sản xuất pin và ắc quy (không hoạt động tại trụ sở).	2720
91.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở).	2013
92.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (trừ loại nhà nước cấm).	4763
93.	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác.	9531
94.	Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở).	1102
95.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su (không hoạt động tại trụ sở).	2211
96.	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy.	9532
97.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (không hoạt động tại trụ sở).	2391
98.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở).	4631
99.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở).	2393
100.	Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai.	0144
101.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	2599
102.	Dịch vụ cảnh quan.	8130
103.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (Chi tiết: Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).	5510
104.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá (không hoạt động tại trụ sở).	1200
105.	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ trang phục và tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng).	1410
106.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3314
107.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (không hoạt động tại trụ sở).	1420

108.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn).	4671
109.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở).	2220
110.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ nhà nước cấm).	4762
111.	Sản xuất sắt, thép, gang (không hoạt động tại trụ sở).	2410
112.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da.	4771
113.	Sản xuất sợi (không hoạt động tại trụ sở).	1311
114.	Sản xuất bia (không hoạt động tại trụ sở).	1103
115.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).	4761
116.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác.	4751
117.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (không hoạt động tại trụ sở).	4724
118.	Sản xuất thảm, chăn, đệm (không hoạt động tại trụ sở).	1393
119.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn.	4753
120.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc (không hoạt động tại trụ sở).	2920
121.	Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá.	2396
122.	Hoạt động hậu kỳ phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5912
123.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình (Chi tiết: Hoạt động phát sản xuất chương trình truyền hình; không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	5913
124.	Sản xuất thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở).	2790
125.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (không hoạt động tại trụ sở).	2651
126.	Sản xuất mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở).	1104
127.	Sản xuất máy móc, thiết bị cho ngành luyện kim (không hoạt động tại trụ sở).	2823
128.	Sản xuất thiết bị truyền thông (không hoạt động tại trụ sở).	2630

129.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (không hoạt động tại trụ sở).	3250
130.	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở).	2023
131.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1080
132.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).	1079
133.	Sản xuất trang phục đan móc (không hoạt động tại trụ sở).	1430
134.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2512
135.	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở).	3311
136.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh (không hoạt động tại trụ sở).	2310
137.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác (không hoạt động tại trụ sở).	3319
138.	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (không hoạt động tại trụ sở).	3315
139.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác (không hoạt động tại trụ sở).	1391
140.	Sản xuất vải dệt thoi (không hoạt động tại trụ sở).	1312
141.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (không hoạt động tại trụ sở).	2392
142.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (không hoạt động tại trụ sở).	3092
143.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở).	2394
144.	Sao chép bản ghi các loại.	1820
145.	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở).	3830
146.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở).	3700
147.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3812
148.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3811
149.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	5022
150.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác.	4929
151.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành.	4921

152.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
153.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.	5021
154.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương.	5011
155.	Xay xát và sản xuất bột thô (không hoạt động tại trụ sở).	1061
156.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp.	4653
157.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở).	3822
158.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (không hoạt động tại trụ sở).	1629
159.	Khai thác muối (không hoạt động tại trụ sở).	0893

III. SỬA ĐỔI CHI TIẾT NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

STT	Ngành, nghề kinh doanh hiện tại		Ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi thay đổi	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Trồng trọt	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (Không thực hiện hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận)	0150
2.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (không hoạt động tại trụ sở).	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (không hoạt động tại trụ sở). (trừ Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511
3.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị	4221	Xây dựng công trình điện (Trừ việc truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4221

	Định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)			
4.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Trừ việc truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	4222
5.	Phá dỡ	4311	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
6.	Chuẩn bị mặt bằng	4312	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ Dịch vụ nổ mìn)	4312
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý ký gửi phân bón.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý ký gửi phân bón. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4610
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4620
9.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	4632	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4632

			pháp luật)	
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ hàng mỹ phẩm; Bán buôn đồ điện gia dụng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ hàng mỹ phẩm; Bán buôn đồ điện gia dụng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4649
11.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.	4651	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; máy móc, thiết bị và dụng cụ đo lường; máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; máy móc, thiết bị và dụng cụ đo lường; máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn máy móc thiết bị phòng thí nghiệm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	4659

	buôn máy móc thiết bị phòng thí nghiệm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu		Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật và Quản lý, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng hóa thuộc Danh mục dự trữ quốc gia)	
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng).	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4672
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn: xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim).	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn: xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4673
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm).	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền	4679

			nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	
17.	Bán lẻ lương thực (trừ nhà nước cấm).	4721	Bán lẻ lương thực (trừ nhà nước cấm). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4721
18.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nhà nước cấm).	4740	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nhà nước cấm). (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4740
19.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	4752
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu.	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu. (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá nhà	4759

			đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật)	
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp (Không thực hiện hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận)	7214
23.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại	7310	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	7310
24.	In ấn	1811	In ấn Chi tiết: In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm	1811
25.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở).	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở). (Không thực hiện hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
26.	Điều hành tua du lịch	7912	Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế) (Trừ kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài (outbound))	7912

Đối với các ngành, nghề kinh doanh còn lại của Công ty vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

IV. THỰC HIỆN

Thông qua việc giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Trong phạm vi ngành, nghề kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền/hoặc yêu cầu của pháp luật nhưng không làm thay đổi mã ngành và đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật;
- Giao Người đại diện theo pháp luật: Thực hiện các thủ tục, ký các hồ sơ liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật; Triển khai thực hiện thủ tục và ký các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BTGD; BKS;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



Số: 11/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**"),

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các thay đổi của pháp luật, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét sửa đổi và bổ sung một số điều khoản trong Điều lệ của Công ty (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công ty. Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 được thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN CÔNG THÀNH

PHỤ LỤC: CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP

(Đính kèm tờ trình số 11/2026/TTr-HĐQT-CTP ngày 30/06/2026 về sửa đổi Điều lệ của Công ty)

STT	Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	PHẦN MỞ ĐẦU	Điều lệ này của Công ty Cổ phần Hòa Bình Takara (Sau đây gọi là “Công ty” hoặc “CTP”), là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của CTP. Điều lệ này được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 28 tháng 06 năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2025.	Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (Sau đây gọi là “Công ty” hoặc “CTP”), là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của CTP. Điều lệ này được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026.	Sửa đổi phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty (Khoản 1)	a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH TAKARA b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA BINH TAKARA JOINT STOCK COMPANY c) Tên Công ty viết tắt:	a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CTP GROUP CORPORATION c) Tên Công ty viết tắt:	
3	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty (Khoản 2)	b) Địa chỉ trụ sở chính: Số 705 Đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. c) Điện thoại: 0888542020 e) Website: https://takaractp.com/.	b) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP Hà Nội c) Điện thoại: 0973 760 515 e) Website: https://ctpgroupvietnam.com/.	

3200
CỘNG HÒA
CỘNG HÒA
HÀ NỘI
TP HCM
H PH

4	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Khoản 1)	Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.	Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty. b. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP
5	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty (Khoản 2)	Không có	c. Phạm vi đại diện của từng Người đại diện theo pháp luật: i. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển và các vấn đề khác không thuộc phạm vi thẩm quyền của Người đại diện theo pháp luật thứ hai như quy định tại mục ii điểm c Khoản 2 Điều này. ii. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.	
6	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (Khoản 3)	Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và phải đảm bảo có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	

143
 G T
 H A
 Đ O A
 R O
 O H

7	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Khoản 2)	q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	q. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty; r. Thực hiện chỉ trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	Bổ sung phù hợp với quy định tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP
---	--	---	--	--



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP



Hà Nội, tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I.	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II.....	5
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV.....	7
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V	9
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI.....	9
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	19
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII.....	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	30
CHƯƠNG VIII	30
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành Công ty	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	31
CHƯƠNG IX.....	32
BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	32
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	33
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	34
CHƯƠNG X.....	35
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
CHƯƠNG XI.....	36
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XII	37
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	37
CHƯƠNG XIII	37
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37

Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	37
CHƯƠNG XIV.....	38
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 48. Năm tài chính.....	38
Điều 49. Chế độ kế toán.....	38
CHƯƠNG XV.....	38
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	38
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	38
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	39
CHƯƠNG XVI.....	39
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 52. Kiểm toán.....	39
CHƯƠNG XVII.....	39
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	39
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	39
CHƯƠNG XVIII.....	39
GIẢI THỂ CÔNG TY.....	39
Điều 54. Giải thể công ty.....	39
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 56. Thanh lý.....	40
CHƯƠNG XIX.....	40
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
CHƯƠNG XX.....	41
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 58. Điều lệ công ty.....	41
CHƯƠNG XXI.....	41
NGÀY HIỆU LỰC.....	41
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (Sau đây gọi là “Công ty” hoặc “CTP”), là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của CTP

Điều lệ này được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026.

CHƯƠNG I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này;
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;
 - i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - l. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
 - m. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP
- b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CTP GROUP CORPORATION
- c) Tên Công ty viết tắt:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- a) Trụ sở đăng ký của Công ty:
- b) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Hà Đông, TP Hà Nội
- c) Điện thoại: 0973 760 515
- d) Fax:
- e) Website: <https://ctpgroupvietnam.com/>.

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty.
- b. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a. Quyền của Người đại diện theo pháp luật:

- i. Là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty;
- ii. Đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

iii. Các quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có)

b. Nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

- i. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty;
- ii. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- iii. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình và/hoặc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- iv. Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Tiết (i), (ii), và (iii) Điểm (b) Khoản 2 Điều này;
- v. Các nghĩa vụ khác quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).

c. Phạm vi đại diện của từng Người đại diện theo pháp luật:

- i. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển và các vấn đề khác không thuộc phạm vi thẩm quyền của Người đại diện theo pháp luật thứ hai như quy định tại mục ii điểm c Khoản 2 Điều này.
- ii. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quản trị rủi ro, bảo đảm tuân thủ pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
 - a. Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác và Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc;
 - b. Huy động và sử dụng vốn hiệu quả trong sản xuất kinh doanh;
 - c. Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông và người lao động;
 - d. Tối đa hóa hoạt động của Công ty, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề đã đăng ký như quy định tại Điều lệ này, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **120.999.920.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.)**
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **12.099.992 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

- Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

- Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông. Đồng thời việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, tài liệu cho cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

- Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó là Cổ đông của công ty. Trong trường hợp Cổ đông bị chết, những người thừa kế của Cổ đông bị chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của Cổ đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ được đại diện cho bao nhiêu cổ phần. Trường hợp cổ phần của Cổ đông bị chết mà không có người thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật về dân sự. Khi đó, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của Cổ đông bị chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của Cổ đông bị chết hoặc những người thừa kế đạt được sự thỏa thuận.
- Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ đông của công ty.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

- Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và

chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07 ngày) kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
3. Tổng Giám đốc điều hành.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
- d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu

trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong danh sách bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát (nếu có);
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của công ty.
 4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc đại hội đồng cổ đông..

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - a. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ và Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - ii. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - iii. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- b. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - i. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - ii. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - iii. Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ
- c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - i. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ, Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - ii. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị bị giảm xuống, không đáp ứng đủ tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này và Điểm b Khoản 1 Điều 37 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ sẽ được áp dụng;
 - iii. Trừ trường hợp quy định tại tiết (i), (ii) Điểm (c) Khoản 4 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của Công ty;
- r. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm (nếu có). Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

- Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm Soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa (03) ứng viên;
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành

viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người

đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

- 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

- 1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

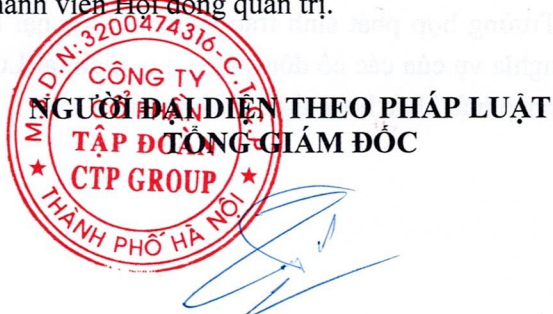
1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CTP Group nhất trí thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.



DƯƠNG VĂN TỊNH



Số: 12/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group;
- Căn cứ các đơn từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Ông Dương Văn Tịnh; Ông Nguyễn Viết Thịnh,

Trên cơ sở Đơn xin từ nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với các ông/bà sau:
 - Ông Dương Văn Tịnh - Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Ông Nguyễn Viết Thịnh - Thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thông qua việc bầu thay thế 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH

Số: 13/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Giới thiệu nhân sự bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị
nhiệm kỳ 2023 - 2028)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group (“Công ty”),

Căn cứ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thông báo đến Quý Cổ đông về tiêu chuẩn điều kiện và thủ tục, thời gian ứng cử/đề cử ứng viên để bầu thay thế vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group.

Đến hết thời gian theo quy định, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông đã nhận được các văn bản ứng cử/đề cử ứng viên để bầu thay thế vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 của cổ đông/nhóm cổ đông. Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng viên được giới thiệu để bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028, như sau:

STT	Tên ứng viên	CC/CCCD/Hộ chiếu	Chức danh đề cử
1	Lê Trọng Tuấn	001079036680	Thành viên Hội đồng quản trị
2	Đào Đức Diễn	066082002668	Thành viên Hội đồng quản trị

(Sơ yếu lý lịch các ứng viên đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

QUY CHẾ

BẦU CỬ THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 - 2028 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CTP GROUP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group tiến hành bầu cử thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo các nội dung sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group chốt ngày 03/06/2026.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 3. Ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

3.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group nhiệm kỳ 2023 - 2028 được bầu thay thế là: **02 thành viên**.

3.2. Ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group, điều kiện được ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười

phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên..

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

4.1. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị

- Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

4.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số phiếu bầu theo mã số cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số cổ đông (sở hữu và/hoặc ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng viên vào ô trống của ứng viên đó trên phiếu bầu.

4.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo Mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền).

Điều 5. Phương thức bầu cử và nguyên tắc bầu dồn phiếu

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế.

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một ứng viên, hoặc bầu cho ứng viên theo số phiếu bầu tương đương với mức độ tín nhiệm, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số phiếu bầu không vượt quá tổng số phiếu bầu tối đa cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu (bao gồm sở hữu và/hoặc được ủy quyền) 1.000 cổ phần Công ty, số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu là 02 thành viên, trên phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của Cổ đông Nguyễn Văn A ghi:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 1.000 cổ phần
- Tổng số phiếu bầu: $1.000 \times 2 = 2.000$ phiếu
- Cổ đông Nguyễn Văn A có thể dồn hết quyền bầu cử của mình cho một ứng viên hoặc bầu cho các ứng viên theo số phiếu bầu tương đương với mức độ tín nhiệm hoặc không bầu với điều kiện tổng số phiếu bầu không vượt quá 2.000 phiếu.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - o Giới thiệu nội dung và cách ghi phiếu bầu và phát phiếu bầu;
 - o Tiến hành kiểm phiếu;
 - o Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban Kiểm phiếu; Tổng số phiếu bầu

phát ra, tổng số phiếu bầu thu về, tổng số phiếu bầu hợp lệ, tổng số phiếu bầu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu bầu.

- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Quy định khác

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 10 (mười) Điều, được đọc công khai tại Đại hội đồng cổ đông và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TRẦN CÔNG THÀNH



Số: 14/2026/TTr-HĐQT-CTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng quản trị ("**HDQT**") Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCĐ**") xem xét và thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ với nội dung chi tiết như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group ("**Công ty**");
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

1. Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group
2. Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group
3. Mã chứng khoán : CTP
4. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
6. Vốn điều lệ trước khi chào bán : 120.999.920.000 đồng
7. Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 12.099.992 cổ phiếu

8. Số lượng cổ phiếu : 12.099.992 cổ phiếu đang lưu hành
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa : 20.000.000 cổ phiếu
10. Tổng giá trị dự kiến chào bán theo mệnh giá tối đa : 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
11. Phương thức chào bán : Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành
12. Giá chào bán dự kiến : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
13. Đối tượng chào bán : Chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
14. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư : Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi (nếu có); Có năng lực tài chính và có khả năng hỗ trợ cho sự phát triển của Công ty; Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
15. Số lượng nhà đầu tư : Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư.
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định số lượng cụ thể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ.
16. Danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu : ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm, lựa chọn và thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng tiêu chí ĐHĐCĐ thông qua và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và sở hữu chéo doanh nghiệp.
17. Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết : Trường hợp số cổ phiếu chào bán riêng lẻ không được nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp do HĐQT lựa chọn ban đầu mua hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn và phân phối cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác thỏa mãn tiêu chí ĐHĐCĐ thông qua với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho nhà đầu tư lựa chọn ban đầu, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và sở hữu chéo doanh nghiệp.
Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc

đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện đăng ký tăng vốn trên số cổ phiếu thực tế đã chào bán thành công.

18. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu được chào bán thành công trong đợt chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
19. Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
20. Chào mua công khai : ĐHDCĐ thông qua việc nhà đầu tư mua cổ phần phát hành riêng lẻ dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư và các cá nhân/tổ chức có liên quan đạt hoặc vượt các mức sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thì nhà đầu tư và các cá nhân/tổ chức có liên quan không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai đối với cổ phiếu của Công ty.
21. Thời gian chào bán dự kiến : Trong năm 2026. ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian thực hiện phù hợp sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của tổ chức phát hành.
22. Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu chào bán thêm : Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán sau khi hoàn thành đợt chào bán.
23. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến : Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến thì vốn điều lệ mới sẽ được đăng ký căn cứ theo số cổ phiếu thực tế đã chào bán được, HĐQT căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty để cân đối sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trên cơ sở đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Công ty.

III. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

Tăng quy mô vốn chủ sở hữu để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần MDHomes.

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty dự kiến sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 200.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần MDHomes, chi tiết như sau:

- Thông tin Công ty có cổ phần được chuyển nhượng:
 - + Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MDHOMES
 - + Mã số doanh nghiệp: 0131949939
 - + Địa chỉ trụ sở chính: 159 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - + Vốn điều lệ đăng ký: 299.000.000.000 (Hai trăm chín mươi chín tỷ) đồng
 - + Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Loại cổ phần dự kiến nhận chuyển nhượng: Cổ phần phổ thông.
- Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là: tối đa 200.000.000.000 đồng, tương ứng với số lượng cổ phần dự kiến nhận chuyển nhượng là: tối đa 20.000.000 cổ phần.
- Hình thức: Nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông Công ty Cổ phần MDHomes.
- Thời gian giải ngân dự kiến: Trong Quý III - Quý IV năm 2026, sau khi có thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn, quyết định giá mua cụ thể, danh sách bên chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần MDHomes; triển khai ký kết các biên bản thương thảo/hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng chính thức liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phần và hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần MDHomes đảm bảo đem lại lợi ích tối đa cho Công ty.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT cân nhắc tìm kiếm, huy động nguồn vốn khác để thực hiện việc nhận chuyển nhượng cổ phần nêu trên. Trường hợp HĐQT triển khai việc huy động nhưng vẫn không thu đủ số tiền như dự kiến thì ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT quyết định nhận chuyển nhượng số lượng cổ phần tương ứng với số vốn thực tế huy động được.

V. ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết chấp thuận phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề (bao gồm nhưng không giới hạn) liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, cụ thể như sau:

- Quyết định chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo chủ trương ĐHĐCĐ đã thông qua, phù hợp với quy định hiện hành.
- Lựa chọn và thông qua danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu riêng lẻ trong đợt chào bán này theo tiêu chí đã được ĐHĐCĐ thông qua và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và sở hữu chéo doanh nghiệp.
- Xây dựng, phê duyệt chi tiết phương án chào bán và lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án chào bán nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
- Tìm kiếm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác đáp ứng tiêu chí ĐHĐCĐ thông qua để phân phối số lượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ còn dôi dư trong trường hợp nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp do HĐQT lựa chọn được mua cổ phiếu chào bán riêng

lê ban đầu không nộp tiền mua hoặc nộp tiền mua không hết số cổ phiếu dự kiến được phân phối, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và sở hữu chéo doanh nghiệp.

- Cân đối và sử dụng nguồn vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông.
- Điều chỉnh, thay đổi mục đích, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu xét thấy cần thiết để việc sử dụng vốn mang lại hiệu quả cho Công ty, tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành cổ phiếu phổ thông riêng lẻ theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ nhằm đảm bảo cho việc xin phép chào bán cổ phiếu được thực hiện đúng quy định.
- Thông qua phương án đảm bảo đợt chào bán riêng lẻ cổ phiếu phổ thông đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty.
- Lập, phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ cổ phiếu phổ thông của Công ty theo đúng quy định Pháp luật.
- Triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Công ty, tuân thủ quy định của Pháp luật.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sửa đổi các điều khoản liên quan đến Vốn Điều lệ và Cổ phần của Công ty trong Điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế của đợt chào bán.
- Đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cho toàn bộ số lượng cổ phiếu phổ thông theo kết quả của đợt chào bán theo đúng quy định Pháp luật.
- Thực hiện tất cả các thủ tục và công việc cần thiết để thay đổi đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho toàn bộ số lượng cổ phiếu phổ thông theo kết quả của đợt chào bán theo đúng quy định Pháp luật.
- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc chào bán cổ phiếu theo phương án này, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Phù hợp với các quy định hiện hành của Pháp luật và các hướng dẫn hiện hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HĐQT có thể ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc được ủy quyền nêu trên.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu phổ thông riêng lẻ hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Trên đây là nội dung của Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Tập đoàn CTP Group.

Kính trình ĐHDCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



TRẦN CÔNG THÀNH

